

LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT TUẦN 31



Đọc đoạn văn sau:

(1) Một con vịt mái màu xám. (2) Nó là loài vịt bầu, nuôi để lấy trứng. (3) Chị chàng đã hơn một năm tuổi, thân hình béo nục, đầu lốm đốm đen, mỏ vàng. (4) Chỉ có mỗi cái cổ của chị là đặc biệt: nó hơi dài và thắt ngẫng lại đến nỗi cứ như thể không phải là cái cổ của chính chị vịt bầu này. (5) Có lần, em nghe ông em nói: “Chọn giống vịt đẻ là phải nhằm con nào cổ bé, đuôi nặng.” (6) Đôi mắt của chị vịt, tuy chẳng còn vẻ ngây thơ của những chú vịt con, nhưng cũng ngơ ngác, lung linh như hai giọt nước màu nâu sẫm, đọng lại kín đáo trong kẽ lá non. (7) Đôi chân màu hồng, có màng, khi xuống nước thì lập tức thành cái bơi chèo, bơi nhanh thoăn thoắt.

(Theo Đỗ Ngọc Thống, Văn miêu tả trong nhà trường phổ thông)

Chọn ý đúng trả lời câu hỏi hoặc thực hiện theo yêu cầu:

1. Đoạn văn trên miêu tả con gì?

- a. Con vịt
- b. Con vịt đẻ
- c. Con vịt bầu, nuôi để lấy trứng

2. Đoạn văn trên thuộc phần nào trong bài văn miêu tả con vật?

- a. Phần mở bài
- b. Phần thân bài: tả hình dáng của con vật
- c. Phần thân bài: tả hoạt động của con vật

3. Nhận định nào chưa đúng?

- a. Câu (1) và (2) tả bao quát con vịt bầu.
- b. Đoạn văn miêu tả sáu bộ phận của con vật.
- c. Câu (5) miêu tả cổ và đuôi của con vịt bầu.

4. Hình ảnh so sánh có trong đoạn văn trên là hình ảnh miêu tả bộ phận nào của con vịt?

- a. Thân hình.
- b. Đôi mắt.
- c. Đôi chân.

5. Câu (2) là câu kể:

- a. Ai làm gì ?
- b. Ai thế nào?
- c. Ai là gì?

6. Nêu tác dụng của dấu hai chấm:

- a. Trong câu (4):
- b. Trong câu (5):

7. Câu nào không có trạng ngữ chỉ thời gian?



- a. Dưới ao, chị vịt bầu đang tung tăng bơi lội.
- b. Có lần, em nghe ông em nói rằng chọn giống vịt đẻ là phải nhằm con nào cổ bé, đuôi nặng.
- c. Khi xuống nước, lập tức đôi chân vịt thành cái bơi chèo, bơi nhanh thoăn thoắt.

8. Xác định vị ngữ trong câu:

Đôi mắt của chị vịt ngơ ngác, lung linh như hai giọt nước màu nâu sẫm, đọng lại kín đáo trong kẽ lá non.

9. Xác định từ loại của các từ được gạch chân trong câu sau:

Đôi chân màu hồng, có màng, khi xuống nước thì lập tức thành cái bơi chèo, bơi nhanh thoăn thoắt.

10. Ghi vào chỗ trống: Từ ghép tổng hợp (T); từ ghép phân loại (P); từ láy (L)

- | | | |
|--------------|------------|----------------|
| a. béo nục | b. lốm đốm | c. ngây thơ |
| d. lung linh | e. nâu sẫm | g. thoăn thoắt |

11. Chọn trạng ngữ trong ngoặc điền vào chỗ trống cho phù hợp:

-, em theo mẹ đến thăm trang trại nuôi vịt đẻ.
 -, những chú vịt tha hồ bơi lội.
 -, những chú vịt được chăm sóc rất đầy đủ.
- (Để thu được nhiều trứng Hôm qua Ở đây)

12. a. Chọn những từ viết đúng chính tả:

ra đi, gia súc, da trời, gai khò, rãi bày, đan dối, gia tộc, gia súc, gia nhập, gia hiệu, giã dờn, dẻo dai, dễ giãi

b. Điền vào chỗ trống v, d, r hoặc gi:

- a) Trên mấy cây cao cạnh nhà,e đua nhau kêuaả.
- b) Tiếng côn trùngiả cũng lắngần, rồi tất cả chìmàoắc ngủ
- c) Đôi mắt ông lão đỏ đơ,ànụa nước mắt.

